

Ngày soạn	7C1		7C2		7C3	
24/12/2025	Ngày dạy	Tiết	Ngày dạy	Tiết	Ngày dạy	Tiết
	31/12	1,2	31/12	1,2	30/12	2,3

TIẾT 69-70 : - ÔN TẬP HỌC KỲ I

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa kiến thức về quá trình chuyển hóa vật chất và năng lượng ở sinh vật.
- Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề liên quan trong học tập và trong cuộc sống.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu quang hợp và hô hấp
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ, chung của cả nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được cách giải bài tập hợp lí và sáng tạo.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Năng lực nhận biết KHTN: Trình bày được khái niệm trao đổi chất, trao đổi khí ở sinh vật
- Năng lực tìm hiểu tự nhiên: Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp và hô hấp, phân biệt được về chuyển hóa vật chất với chuyển hóa năng lượng ở sinh vật.
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng linh hoạt kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề liên quan trong học tập, cuộc sống.
- Vận dụng kiến thức về chuyển hóa vật chất và năng lượng ở sinh vật để đề xuất biện pháp thực tiễn trồng trọt và chăn nuôi.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chăm học, chăm đọc sách, tài liệu tìm hiểu về chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Biết giúp đỡ các bạn trong nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên

- Máy chiếu, laptop.
- Phiếu học tập, bút dạ.

2. Học sinh

- Hệ thống hoá kiến thức đã học

III. Tiến trình dạy học

A. Hệ thống hóa kiến thức

Hoạt động 1: Khởi động

- a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, kích thích học sinh hoạt động tích cực trong giờ học

- b. Nội dung: Trò chơi “ Ai lên cao hơn”
- c. Sản phẩm: Câu trả lời của Giáo viên
- d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giới thiệu trò chơi, luật chơi -GV chia lớp thành 2 đội - Đại diện hai đội bốc thăm thứ tự trả lời. đội nào trả lời sai cơ hội dành cho đội còn lại. - Trả lời đúng sẽ đội tiến lên một bước. *Thực hiện nhiệm vụ học tập: -HS chơi trò chơi * Báo cáo kết quả và thảo luận: - Câu trả lời của HS * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV đánh giá, cho điểm, tuyên dương HS có nhiều câu trả lời đúng, phát thưởng (nếu có) Động viên HS.	Câu 1: Trao đổi chất là quá trình gì trong cơ thể sinh vật? A. Quá trình sinh sản và phát triển. B. Quá trình cung cấp chất dinh dưỡng và loại bỏ chất thải. C. Quá trình phân hủy thức ăn thành chất dinh dưỡng. D. Quá trình bảo vệ cơ thể khỏi tác nhân gây bệnh. Câu 2: Chuyển hóa năng lượng trong cơ thể sinh vật có vai trò gì? A. Sản xuất năng lượng để duy trì các hoạt động sống. B. Duy trì sự cân bằng nội môi. C. Điều hòa nhiệt độ cơ thể. D. Tạo ra năng lượng để tiêu hóa thức ăn. Câu 3: Quá trình nào sau đây là một ví dụ của chuyển hóa năng lượng trong cơ thể? A. Hô hấp tế bào. B. Hấp thụ chất dinh dưỡng từ thức ăn. C. Lưu trữ glycogen trong gan. D. Bài tiết nước tiểu. Câu 4: Tại sao trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng là cần thiết cho sự sống? A. Vì nó giúp cơ thể duy trì nhiệt độ ổn định. B. Vì nó tạo ra chất thải cần thiết cho cơ thể. C. Vì nó cung cấp năng lượng và các chất cần thiết cho các hoạt động sống. D. Vì nó giúp cơ thể chống lại bệnh tật. Câu 5: Quang hợp là quá trình gì? A. Quá trình phân giải glucose trong tế bào. B. Quá trình chuyển đổi năng lượng ánh sáng thành năng lượng hóa học trong cây xanh. C. Quá trình hô hấp của động vật. D. Quá trình hấp thụ chất dinh dưỡng từ đất.

Hoạt động 2: Hướng dẫn giải bài tập

a. Mục tiêu: Định hướng cho HS giải một số bài tập phát triển năng lực khoa học tự nhiên.

b. Nội dung: GV hướng dẫn cho HS giải bài tập trong SGK.

c. Sản phẩm: Hoàn thành bài tập SGK.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
* Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV chia lớp thành 4 nhóm. Phổ biến luật chơi “Chúng ta là một đội”, có 3 vòng chơi: - Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ ➤ Vòng 1: Tiếp sức - Đại diện các nhóm nhận Phiếu học tập số 1. - HS có 2 phút để thảo luận, trao đổi thông tin - HS được cử ghi nhanh đáp án vào bảng phụ trong 1 phút. - Sau 3 phút, HS ngừng hoạt động đem bảng phụ treo lên bảng lớn để cho cả lớp cùng nhận xét và chấm điểm. ➤ Vòng 2: Một chọi ba - GV chia bảng thành 4 phần và bốc thăm. - Thành viên có cùng số thứ tự của mỗi đội tham gia cuộc thi. - HS nhận câu hỏi và trình bày bài giải lên bảng trong 5 phút (Phiếu học tập số 2). - HS các nhóm nhận xét, bổ sung. ➤ Vòng 3: Về đích - GV cho học sinh thi cướp cờ để lấy quyền trả lời câu hỏi cuối cùng (Phiếu học tập số 3). - Nhóm nào nhận được cờ sẽ có 5 phút vừa thảo luận vừa trả lời câu hỏi của GV - Nếu trả lời sai sẽ nhường cơ hội trả lời cho 3 nhóm còn lại. - Các nhóm lắng nghe câu trả lời, nhận xét và bổ sung. *Thực hiện nhiệm vụ học tập:	Câu 1: - Glucose + Oxygen => Carbon dioxide +nước+Năng lượng (ATP và nhiệt) - Chất tham gia: Glucose + Oxygen - Chất tạo thành : Carbon dioxide +nước+Năng lượng (ATP và nhiệt) - Năng lượng từ ánh sáng mặt trời đến lục lạp chuyển hóa thành năng lượng hóa học tích lũy trong chất hữu cơ ở lá cây. - Vật chất từ môi trường bên ngoài như nước và carbon dioxyde được vận chuyển đến lục lạp biến đổi hóa học tạo thành chất hữu cơ và oxygen. - Bể cá cảnh bề mặt tiếp xúc của nước với không khí thấp nên lượng khí oxygen trong bể cá thường rất ít ảnh hưởng không tốt đến hô hấp của cá. - Nhà bạn Bình thả thêm rêu thủy sinh, khi rêu thủy sinh quang hợp giải phóng khí oxygen vào nước cung cấp thêm khí oxygen cho cá hô hấp

Các nhóm HS thực hiện theo nhóm làm ra sản phẩm * Báo cáo kết quả và thảo luận: Sản phẩm của các nhóm * Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét chung và đánh giá điểm cho mỗi vòng chơi + Vòng 1: Đáp án đúng được 1 điểm. + Vòng 2: Nhóm hoàn thành nhanh và chính xác nhất được 4 điểm, các nhóm còn lại được 3 ; 2 và 1 điểm. + Vòng 3: Giải thích đúng được 5 điểm. → Tổng cộng: 10 điểm GV công bố tổng điểm, nhận xét, tuyên dương và trao phần thưởng cho đội đoạt giải nhất và nhì.	
--	--

Hoạt động 3: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

b) Nội dung:

- HS thực hiện cá nhân hoàn thành phiếu bài tập.

c) Sản phẩm:

- HS trình bày nội dung bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
* Giao nhiệm vụ: - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, hoàn thành các bài tập sau. Bài 1: Nguyên liệu của quá trình quang hợp gồm các chất nào sau đây: A. Khí oxygen và đường. B. Đường và nước. C. Khí cacbon dioxide, nước và năng lượng ánh sáng D. Khí cacbon dioxide và nước. Bài 2: Sản phẩm hô hấp của tế bào gồm: A. Oxygen, nước và năng lượng (ATP + nhiệt). B. Đường, nước và năng lượng (ATP + nhiệt). C. Khí cacbon dioxide, nước và đường. D. Khí cacbon dioxide, nước và năng lượng (ATP + nhiệt).	Bài 1: C Bài 2: D Bài 3: A

Bài 3: Quang hợp và hô hấp là 2 quá trình A. đối lập và có quan hệ chặt chẽ. B. đối lập và không có liên quan gì. C. tạo ra khí oxygen chủ yếu trong không khí. D. tạo ra khí cacbon dioxide chủ yếu trong không khí. Bài 4: Điền từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống cho phù hợp. <i>Ánh sáng; hữu cơ; vô cơ; oxygen; động vật; thực vật; tinh bột; chất béo; cacbon dioxide; quang hợp.</i> Quang hợp là quá trình sử dụng năng lượng...(1)... để biến đổi các chất...(2)..đơn giản (cacbon dioxide và nước) thành các chất...(3).. (đường) tích lũy dưới dạng...(4)..trong cơ thể...(5)..., đồng thời tạo ra khí...(6). Sản phẩm của quá trình ..(7).. (đường) được sử dụng để tạo ra các chất cần thiết cho quá trình sinh trưởng và phát triển của cây hoặc có thể được tích lũy để sử dụng sau. Khi sử dụng các sản phẩm từ thực vật như củ, quả, hạt, ... chúng ta đang sử dụng năng lượng tích trữ của chúng. - Mời đại diện 1 nhóm trình bày, yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét bài làm của nhóm bạn. * Thực hiện nhiệm vụ học tập - Thảo luận theo nhóm đôi; Hoàn thành bài tập được giao dựa trên vốn kiến thức của mình. * Báo cáo kết quả và thảo luận - Cử đại diện trình bày, các nhóm còn lại nghe và nhận xét đáp án của nhóm bạn. * Kết luận – nhận định: - Nhận xét bài làm của học sinh, đưa ra đáp án chuẩn, các nhóm khác dựa vào thang điểm để tự đánh giá bài của nhóm mình.	Bài 4: (1) ánh sáng; (2) Vô cơ; (3) hữu cơ; (4) tinh bột; (5) thực vật; (6) oxygen; (7) quang hợp.
---	---

GV: Cho HS làm bài tập trắc nghiệm sau

Câu 1: Quá trình tiêu hóa thức ăn hoàn thành ở

- A. ruột già B. dạ dày. C. gan. D. **ruột non.**

Câu 2: Thức ăn từ ngoài đi vào trong cơ thể thông qua

- A. thực quản. B. dạ dày C. **miệng.** D. ruột non.

Câu 3. Cơ thể chúng ta thông thường bổ sung nước bằng cách

- A. qua thức ăn và sữa. B. qua tiêu hóa và hô hấp.
- C. qua sữa và trái cây. D. **thức ăn và đồ uống.qua**

Câu 4. Con đường trao đổi nước ở động vật và người bao gồm mấy giai đoạn?

- A. 4. **B. 3.** C. 2. D. 1.

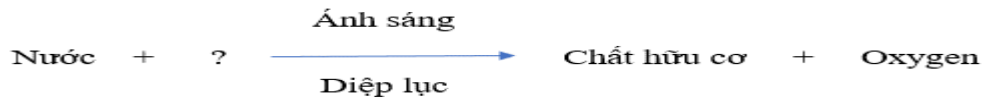
Câu 5. Quá trình hô hấp tế bào thải ra môi trường

- A. khí methane B. khí oxygen.
C. khí nitrogen. **D. khí carbon dioxide.**

Câu 6. Nhiệt độ thuận lợi cho quá trình hô hấp tế bào ở sinh vật là khoảng

- A. 25°C - 30°C. **B. 30°C - 35°C.**
C. 25°C - 35°C. D. 30°C - 40°C.

Câu 7. Phương trình tổng quát của quá trình quang hợp:



Thành phần còn thiếu trong phương trình tổng quát của quá trình quang hợp là

- A. Chất vô cơ. B. Glucose.
C. Carbon dioxide. D. Oxygen.

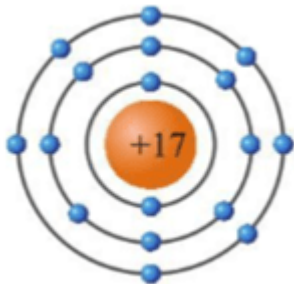
Câu 8. Bộ phận chính của cây tham gia vào quá trình quang hợp là

- A. ngọn cây. B. thân cây. C. rễ cây. **D. lá cây.**

Câu 9. (TH) Một nguyên tử có 9 proton trong hạt nhân. Theo mô hình nguyên tử, số electron lớp ngoài cùng của nguyên tử đó là

- A. 5. B. 6. **C. 7.** D. 8.

Câu 10. Biết nguyên tố chlorine thuộc nhóm A và có mô hình cấu tạo nguyên tử như sau:



Nguyên tố chlorine thuộc

- A. Chu kì 2 **B. Chu kì 3** C. Chu kì 4 D. Chu kì 5

Câu 11: Đồ thị quãng đường – thời gian mô tả mối liên hệ giữa:

- A. quãng đường đi được và tốc độ của vật.
B. thời gian vật đi đường và tốc độ của vật.
C. thời gian vật đi hết quãng đường.
D. quãng đường đi được của vật và thời gian.

Câu 12: Một người đi xe đạp đi với tốc độ 14km/h. Con số đó cho ta biết điều gì?

- A. Quãng đường xe đi được trong 1 giờ là 14km.**
B. Thời gian đi của xe đạp là 14h.
C. Quãng đường đi của xe đạp là 14km.
D. Thời gian xe đi được là 1 giờ.

Bài tập tự luận

Câu 1: Cho các nguyên tố hóa học sau: hydrogen, magnesium, oxygen, potassium, silicon. Số nguyên tố có kí hiệu hóa học gồm 2 chữ cái là.....

Câu 2: Nguyên tử X có 12 proton và 12 neutron. Tổng số hạt trong nguyên tử X là.....

Câu 3: Một nguyên tử có 19 proton, 19 electron và 20 neutron. Khối lượng của nguyên tử đó làamu.

Câu 4: Nguyên tố Z thuộc nhóm VA, chu kì 2. Số proton của nguyên tử Z là.....

Câu 5: Một người đi xe máy đi được 30 km trong 45 phút. Tốc độ của người đó là.....km/h.

Câu 6: Một người chạy bộ với tốc độ 5 m/s trong 8 phút. Quãng đường người đó chạy được là.....m.

Câu 7: Trên đồ thị quãng đường – thời gian, vật đi từ vị trí $S_A = 2$ km đến vị trí $S_B = 10$ km trong khoảng thời gian $t_A = 0,5$ giờ và $t_B = 2,5$ giờ. Thời gian vật chuyển động là.....giờ.

Câu 8: Cho hình vẽ sau.



Một vật chuyển động trên quãng đường từ O đến C có đồ thị như trên. Vật đứng yên ở quãng đường.....km

*** Hướng dẫn học ở nhà:**

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT
- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp